

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng,
huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 18/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Hoàng Hóa;

Văn bản tham gia ý kiến của các Sở, ngành cấp tỉnh: Văn bản số 1924/SXD-QH ngày 30/03/2023 của Sở xây dựng; Văn bản số 1175/SNN&PTNT-KHTC ngày 20/03/2023 của Sở nông nghiệp và PTNT; Văn bản số 1630/SGTVT-KHTC ngày 28/03/2023 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 1927/SVHTTDL-XDNSVHGĐ ngày 25/4/2023 của Sở văn hóa, thể thao và du lịch về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1334 /QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 154/BC-KTHT ngày 11/5/2023 (Kèm theo Văn bản 1924/SXD-QH ngày 30/03/2023 của Sở Xây dựng về việc ý kiến về hồ sơ Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030; Tờ trình số Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 09/5/2023 của UBND xã Hoàng Phượng kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Hoàng Phú, Hoàng Kim huyện Hoàng Hóa;
- Phía Bắc giáp xã Hoàng Xuân huyện Hoàng Hóa;
- Phía Nam giáp xã Hoàng Giang, Hoàng Hợp huyện Hoàng Hóa;
- Phía Tây giáp xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa.

1.3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: 390,49ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070.

- Cụ thể hóa Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa.

- Cụ thể hóa Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

2.2. Tính chất, chức năng của xã.

Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng là quy hoạch xây dựng nông thôn. Là khu vực phát triển nông nghiệp tập trung, (lúa, rau an toàn...), phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề (da giày, may mặc..), nông nghiệp an toàn và chất lượng cao, thủy sản, chăn nuôi gia súc.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Quy mô dân số, lao động.

- Dân số: Năm 2020 là 5.180 người.; Dự báo đến năm 2025 dân số của xã khoảng 6.288 người; Dự báo đến năm 2030 dân số toàn xã là 8.460 người.

- Lao động: Năm 2020 lao động tham gia vào các ngành kinh tế của xã là 3.108 lao động; Dự báo đến năm 2025 khoảng 3.886 lao động; Dự báo đến năm 2030 khoảng 5.753 lao động.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.2.1. Về sử dụng đất:

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 1334 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phụng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030. Áp dụng các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Điểm dân cư nông thôn:

+ Đất xây dựng nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;

+ Đất xây dựng công trình công cộng và dịch vụ: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;

+ Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;

+ Đất cây xanh công cộng: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước sinh hoạt: 60-80 lít/người/ngày-đêm;

- Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;

- Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;

- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9kg rác/người/ngày/đêm.

3.2.3. Các nội dung khác: Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng.

- Khu trung tâm xã.

- Tổ chức hệ thống công trình công cộng.

- Hệ thống các khu dân cư mới và cải tạo.

- Tổ chức các khu vực sản xuất.

- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1 Khu trung tâm xã

Khu trung tâm xã hiện nay đã và đang hình thành và xây dựng nằm trên trục đường huyện ĐH-HH.06 tại thôn Vĩnh Gia 2. Giai đoạn đầu giữ nguyên tại thôn Vĩnh Gia 2. Giai đoạn đến năm 2030 huy động nguồn lực (Nhà nước và nhân dân cùng làm, kêu gọi đầu tư) để chuyển dịch dần về thôn Vĩnh Gia 3, nằm về phía Bắc

đọc đường ĐH-HH.03, giao nhau với đường ĐH-HH.06 và đường Dọc Kênh Nam (Xuân –Hợp –Cát) tạo thành khung trung tâm xã với các công trình: Công sở xã, nhà văn hóa xã, sân vận động thể thao xã, bãi đỗ xe công cộng, khu thương mại dịch vụ.... kết hợp với khu công viên cây xanh và các khu dân cư mới tập trung. Quy mô phát triển trung tâm xã khoảng 20,0ha.

5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng

5.2.1. Khu công sở xã: Quy hoạch mới trụ sở công sở xã thôn Vĩnh Gia 3 khuôn viên 1,1ha.

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã.

- Trung tâm văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Vĩnh Gia 2 diện tích 0,20ha.

- Khu thể thao xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Vĩnh Gia 2 diện tích 0,40ha.

- Sân vận động xã: Quy hoạch mới sân vận động xã thôn Vĩnh Gia 3 với diện tích 1,50ha.

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn.

a. Nhà văn hóa thôn.

- Nhà văn hóa thôn Vĩnh Gia 1: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,13ha.

+ Vị trí 2 (thôn 1 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,02ha.

+ Vị trí 3 (thôn 2 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,02ha.

- Nhà văn hóa thôn Vĩnh Gia 2: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,14ha.

+ Vị trí 2 (thôn 3 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,04ha.

- Nhà văn hóa thôn Vĩnh Gia 3: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,11ha.

+ Vị trí 2 (thôn 4 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,02ha.

+ Vị trí 3 (thôn 5 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,05ha

+ Vị trí 4 (thôn 6 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,03ha.

- Nhà văn hóa thôn Phụng Mao: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,08ha.

- Cơ cấu công trình nhà văn hóa:

+ Hội trường: ≥ 100 chỗ ngồi

+ Phòng chức năng: hành chính, thông tin, đọc sách, đọc báo, truyền thanh, câu lạc bộ (tối thiểu 02 phòng.)

b. Sân thể thao thôn.

Hiện tại các thôn không có sân thể thao riêng, các thôn đang sử dụng chung với diện tích đất của các nhà văn hóa thôn. Cần đầu tư các dụng cụ thể thao đơn giản về các bộ môn như bóng chuyền, cầu lông, xà đơn, xà kép, trang bị các trò chơi thiếu nhi và một số trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi.

- Cơ cấu công trình sân thể thao:

+ *Sân tập thể thao đơn giản*: $\geq 250 m^2$

+ *Phòng tập đơn giản*: $24m \times 12m$

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên vị trí trạm y tế xã tại thôn Vĩnh Gia 3 diện tích 0,23ha .

5.2.5. Công trình giáo dục.

a. Trường mầm non xã Hoàng Phượng: Giữ nguyên vị trí tại thôn Vĩnh Gia 2 với diện tích 0,50ha.

b. Trường tiểu học xã Hoàng Phượng: Giữ nguyên vị trí tại thôn Vĩnh Gia 2 với diện tích 0,45ha.

c. Trường trung học cơ sở xã Hoàng Phượng: Giữ nguyên vị trí tại thôn Vĩnh Gia 2 với diện tích 0,68ha.

5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Vĩnh Gia 2 với diện tích 0,02ha.

5.2.7. Trụ sở công an xã: Quy hoạch diện tích đất trụ sở công an 0,12ha tại thôn Vĩnh Gia 2.

5.2.8. Ban chỉ huy quân sự xã: Quy hoạch ban chỉ huy quân sự xã 0,13ha tại thôn Vĩnh Gia 2.

5.2.9. Chợ Chùa Gia: Giữ nguyên vị trí Chùa Gia tại thôn Vĩnh Gia 1 với diện tích 0,62ha.

5.2.10. Khu vui chơi giải trí công cộng; khu cây xanh:

Quy hoạch khu vui chơi, giải trí công cộng; Khu cây xanh – công viên gồm các công trình vui chơi giải trí, các trò chơi, khuôn viên cây xanh, hồ nước...phục vụ nhu cầu giải trí cho nhân dân và du khách với diện tích: 3,23ha như sau:

- Khu vui chơi, giải trí công cộng Hóa Vè thôn Vĩnh Gia 3 diện tích 1,44ha

- Khu vui chơi, giải trí công cộng Cửu Nghè thôn Phượng Mao diện tích 0,42ha

- Khu cây xanh - công viên (giáp NVH thôn Vĩnh Gia 1) diện tích 0,31ha

- Khu cây xanh - công viên Cống Ngâm thôn Vĩnh Gia 1 diện tích 1,0ha

- Khu cây xanh - công viên (khu công sở xã cũ) diện tích 0,06ha

5.2.11. Công trình tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền

- Nhà thờ Đạo: Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Vĩnh Gia 1 với diện tích 0,05ha;

- Chùa Vĩnh Phúc: Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Vĩnh Gia 1 diện tích

0,3ha, mở rộng chùa diện tích 1,0ha. Diện tích sau khi mở rộng: 1,30ha.

- Khu di tích lịch sử đền thờ Tô Hiến Thành- Trần Khát Chân: Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Vĩnh Gia 1 diện tích khuôn viên 0,40ha.

- Đền làng Phụng Mao: Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Phụng Mao diện tích 0,04ha.

5.2.12. Bãi đỗ xe công cộng; bến thủy nội địa

- Quy hoạch bãi đỗ xe công cộng khu vực Thương Điền thôn Vĩnh Gia 3 diện tích 0,22ha

- Quy hoạch bến thủy nội địa thôn Vĩnh Gia 1 diện tích 0,10ha;

5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 4 thôn: thôn Vĩnh Gia 1, thôn Vĩnh Gia 2, thôn Vĩnh Gia 3, thôn Phụng Mao. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 38,48ha (Ký hiệu: DCHT-01 đến DCHT-51).

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 19,97ha (Ký hiệu: DCM-01 đến DCM-06).

5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

5.4.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao.

- Xây dựng, định hướng vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP Diện tích tập trung ở khu vực Vườn Chè thôn Vĩnh Gia 1 diện tích 3,0ha; Cồn Đàn, Mau Mè, Nỗ Lợi thôn Vĩnh Gia 3 diện tích 13,0ha

- Phân chia xây dựng ao hồ, đầm nuôi thả theo tiêu chuẩn kỹ thuật với diện tích phù hợp trên cơ sở hoàn thiện hệ thống, kênh mương sẵn có, dần hình thành trang trại chuyên nuôi trồng thủy sản, khuyến khích phát triển nuôi trồng những loại thủy sản đặc sản, có năng suất và giá trị kinh tế cao

5.4.2. Khu công nghiệp, tiểu thủ CN, làng nghề : Quy hoạch khu 3 - Khu CN Bắc Hoàng Hóa địa phận xã Hoàng Phụng diện tích 67,0ha.

5.4.3. Khu khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng:

- Giữ nguyên hiện trạng khu khai thác đất sét làm gạch tuynel (cty Son Trang) thôn Vĩnh Gia 1 diện tích 2,70ha.

5.4.4. Khu xây dựng chức năng khác

- Khu thương mại dịch vụ Cống Ngâm thôn Phụng Mao: Giữ nguyên vị trí hiện tại diện tích 0,48ha.

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ PTKT nông thôn khu vực Hóa Vè thôn Vĩnh Gia 3 diện tích 0,42ha.

- Quy hoạch khu thương mại dịch vụ Góc Sữa thôn Vĩnh Gia 2 diện tích 0,16ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.

6.1. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

6.1.1. Hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông xã được chia 02 hệ thống: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội. Cụ thể:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại

- **Đường tỉnh:** Quy hoạch tuyến tỉnh lộ mới từ đường dọc Kênh Nam đi huyện Yên Định (Ký hiệu TLM) chạy qua địa bàn xã với chiều dài 1,70km đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường 12,0m; Hành lang giao thông 15,0m x2; Lộ giới 42,0m.

- Đường huyện:

+ Nâng cấp, cải tạo đường huyện ĐH-HH.03 qua xã với chiều dài 1,8km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 5,5m x2; Phân cách: 3,0m x1; Hè đường: 5,0m x2. Lộ giới: 24,0m.

+ Nâng cấp, cải tạo đường huyện ĐH-HH.06 qua xã với chiều dài 1,4km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 7,5m x2; Phân cách: 2,0m x1; Hè đường: 5,0m x2; Lộ giới: 27,0m.

+ Quy hoạch mới đường Xuân - Hợp - Cát (Dọc kênh Nam) qua xã với chiều dài 1,8km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 8,0m x2; Phân cách: 2,0m x1; Hè kênh: 3,0m x1; Hè đường: 5,0m x1. Lộ giới: 26,0m.

+ Quy hoạch mới đường Phú - Quý - Phụng qua xã với chiều dài 3,6km; đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 9,0m; Hành lang giao thông: 10,0m x2; Lộ giới: 29,0m.

b) Hệ thống giao thông đối nội.

- Đường trục xã:

+ Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến (ký hiệu ĐTX-HP.01 đến ĐTX-HĐ.03) với tổng chiều dài 3,1km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m.

+ Quy hoạch mới tuyến đường ĐH-HH.03 đi Kênh Nam (Kí hiệu ĐTX-HP.04) có chiều dài 0,4km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 7,5m x2; Phân cách: 2,0m x1; Hè đường: 5,0m x2. Lộ giới: 27,0m.

+ Quy hoạch mới tuyến đường ĐH-HH.06 đi cầu vượt Hoàng Qùy - Yên Định (Kí hiệu ĐTX-HP.05) có chiều dài 0,7km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m.

- **Tuyến đường trục thôn:** Gồm 12 tuyến, với tổng chiều dài 3,9km.

+ 01 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HG.08) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp VI. Lòng đường: 7,5m; Vía hè: 5,0mx2; Lộ giới: 17,5m.

+ 11 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HP.01÷ĐTT-HP.07; ĐTT-HP.09÷ĐTT-HP.12) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Mặt đường: 3,5m; Lề gia cố: 1,5mx2; Lộ giới: 6,5m.

- **Tuyến đường ngõ xóm:** Gồm 18 tuyến với tổng chiều dài 3,7km (Ký hiệu ĐNX-HP.01 đến ĐNX-HP.18) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Mặt đường: 3,5m; Lề gia cố: 0,75m x2; Lộ giới: 5,0m.

6.1.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

- Cao độ các khu vực dân cư hiện trạng được giữ nguyên, các khu dân cư mới, cốt nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng; khi thiết kế nâng cốt nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng. Đối với các khu nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tuân thủ quy hoạch được duyệt đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Thoát nước mặt: Tổng thể toàn xã được chia làm 02 tiểu vùng tiêu úng:

+ Tiểu vùng 1: Gồm diện tích thôn Phụng Mao nước mưa được đổ ra kênh N5, sau đó thoát ra kênh Nam

+ Tiểu vùng 2: Gồm diện tích thôn Vĩnh Gia 1, Vĩnh Gia 2, Vĩnh Gia 3 nước mưa chảy ra Kênh nam, sau đó đổ ra kênh Hoàng Anh

6.1.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.

a. Nguồn nước và mạng lưới đường ống.

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: Được lấy từ Nhà máy nước Hoàng Xuân đến các hộ gia đình, công suất 6.500(m³/ngdem)

- Trong nội bộ khu trung tâm xây dựng hệ thống đường ống cấp nước đến các cơ quan, cơ sở sử dụng nước và các hộ dân cư. Từ vị đầu nối xây dựng đường ống chính chạy trên các trục đường trung tâm xã, từ đường ống này xây dựng các ống nhánh truyền dẫn trên các trục đường chính đưa nước về các trục đường ngõ, xóm và các cơ sở sử dụng.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt. các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường.

b. Cấp nước:

- Năm 2020 trên địa bàn xã đã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoàng Xuân công suất 6.500(m³/ngdem) được 50% tổng số hộ.

- Đến năm 2025 trên địa bàn xã đã sử dụng Nhà máy nước Hoàng Xuân công suất 6.500(m³/ngdem) được 70% tổng số hộ.

- Đến năm 2030 trên địa bàn xã đã sử dụng Nhà máy nước Hoàng Xuân (công suất 6.500 m³/ngày/đêm) được 100% tổng số hộ.

6.1.4. Hệ thống cấp điện

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 1.330KVA; Đến năm 2030 là 1.400KVA.

- Nguồn điện: Cấp cho xã được lấy nguồn từ lưới điện trung áp 10KV từ xã Hoàng Kim chạy qua

- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây .

+ Đường dây hạ thế 0,4KV với chiều dài 20,5m

+ Đường dây trung thế 10KV với chiều dài 5,0km

- Trạm biến áp: Giữ nguyên 4 trạm biến áp tại các vị trí hiện tại với tổng công suất 1.280KVA và các tuyến đường dây tải điện hiện có. Giữ nguyên TBA số 2 (thôn Vĩnh Gia 1); TBA số 4 (thôn Vĩnh Gia 3) với công suất 320KVA. Nâng cấp công suất các trạm biến áp sau: TBA số 1 (thôn Phượng Mao); TBA số 3 (thôn Vĩnh Gia 2) lên 400KVA. Tổng công suất các trạm sau khi nâng cấp và lắp mới là 1.440 KVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

6.1.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 4 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile. Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

6.1.6. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Đối với khu vực trang trại tổng hợp có khu chăn nuôi bắt buộc xây dựng hệ thống chứa nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung tại khu vực Mau Mè thôn Vĩnh Gia 2 với diện tích 0,20ha.

- Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải giai đoạn nay tới 2025 là 80%, giai đoạn 2030 là 90%.

b. Hệ thống rác thải

- Cần sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Giai đoạn đến năm 2030: Giữ nguyên vị trí, diện tích bãi chung truyền rác khu vực Cồn Đàn thôn Vĩnh Gia 3 với diện tích 0,15ha. Rác thải được thu gom vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung của khu vực để xử lý. Xe thu gom rác cần có nắp đậy và kín đảm bảo không gây ô nhiễm.

c. Quy hoạch nghĩa trang

- Trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

- Về lâu dài các nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Trong giai đoạn đến năm 2030: Nghĩa trang Mau Mè : Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Vĩnh Gia 2 với diện tích 0,80ha. Trong thời gian quy hoạch tới, mở rộng nghĩa trang 0,4ha. Diện tích sau khi mở rộng 1,2ha.

6.2. Công trình hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Hệ thống giao thông nội đồng:

- Cơ bản giữ nguyên mạng lưới hệ thống giao thông nội đồng hiện có. Mở rộng nền đường và nâng cấp mặt đường các tuyến trục chính nội đồng đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hoá thuận tiện, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 4 tuyến (Ký hiệu: ĐNĐ-HP.01 đến ĐNĐ-HT.04) với tổng chiều dài 2,8km. Mặt đường: 3,0m; Lề: 1,0mx2. Lộ giới: 5,0m.

b) Hệ thống thủy lợi:

- Quy hoạch chỉnh trang nạo vét, đắp bờ, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng:

+ Nâng cấp tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do huyện quản lý: với tổng chiều dài 5,6km

+ Nâng cấp kênh do xã quản lý với chiều dài: 6,7km.

7. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoằng Hóa và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Bảng 1: Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	390,49	100,0	390,49	100,0	390,49	100,0
1	Đất nông nghiệp	257,88	66,04	203,09	52,01	147,77	37,84
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	246,28	63,07	191,49	49,04	136,37	34,92
1.2	Đất lâm nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	11,6	2,97	11,60	2,97	11,40	2,92
1.4	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-
2	Đất xây dựng	84,65	21,68	139,44	35,71	194,76	49,88
2.1	Đất ở	38,48	9,85	46,23	11,84	48,95	12,54
2.2	Đất công cộng	3,71	0,95	4,46	1,14	4,46	1,14
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,40	0,10	3,21	0,82	5,83	1,49
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,76	0,45	2,76	0,71	2,76	0,71
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	-	-	30,00	7,68	67,00	17,16
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	2,71	0,69	2,71	0,69	2,71	0,69
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,48	0,12	0,94	0,24	1,10	0,28
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	25,39	6,50	27,16	6,96	39,98	10,24
2.8.1	Đất giao thông	24,48	6,27	25,85	6,62	38,47	9,85
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,11	0,03	0,11	0,03	0,11	0,03
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,80	0,20	1,20	0,31	1,20	0,31
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	-	-	-	-	0,20	0,05
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	11,72	3,00	11,72	3,00	11,72	3,00
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	0,25	0,06	0,25	0,06
3	Đất khác	47,96	12,28	47,96	12,28	47,96	12,28
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	47,85	12,25	47,85	12,25	47,85	12,25
3.2	Đất chưa sử dụng	0,11	0,03	0,11	0,03	0,11	0,03

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án xây dựng các công trình tôn giáo, di tích
- Dự án quy hoạch sân vận động xã.
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Trụ sở công an xã, Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã;
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn

8.3. Tiến độ thực hiện.

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Hoàng Phượng có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ, đóng dấu bản vẽ và lưu trữ hồ sơ theo quy định;
- Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát thực hiện.
- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.
- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành huyện và đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Phượng tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng kinh tế và hạ tầng, phòng Tài nguyên Môi trường, phòng Tài Chính - Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch UBND xã Hoàng Phượng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3 QĐ (t/h);
- CT, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải